

# NGHIÊN CỨU BỆNH SÂU RĂNG, VIÊM QUANH RĂNG VÀ MỘT SỐ HIỂU BIẾT, HÀNH VI VỀ PHÒNG BỆNH CỦA CÔNG NHÂN NHÀ MÁY CHINFON NĂM 2010

PHẠM XUÂN THÀNH, PHẠM VĂN LIỆU

## TÓM TẮT

**Mục tiêu nghiên cứu:** Nhằm xác định tỷ lệ bệnh sâu răng, bệnh viêm quanh răng của công nhân Nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng. **Mô tả một số kiến thức, hành vi về phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của số công nhân được nghiên cứu, để xuất nhu cầu điều trị và phòng bệnh. Phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang. **Kết quả:** sâu răng chiếm 63,08%, trong đó Nam bị mắc cao hơn (38,97%), nhóm Nữ (24,11%). Chỉ số SMT răng là 3,29. Bệnh viêm lợi chiếm tỷ lệ 59,74%, Bệnh viêm quanh răng chiếm tỷ lệ 22,05%, nhóm  $\geq 45$  tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất: 40,59%. Về kiến thức phòng bệnh răng miệng Số người cho rằng cả 3 mặt răng cần được chải sạch chiếm tỷ lệ 82,31%. Số người cho rằng việc chải răng giúp phòng bệnh răng miệng chiếm tỷ lệ 74,62%. Còn số người cho rằng lần chải răng quan trọng nhất trong ngày là sau khi ăn tối chiếm tỷ lệ 50,25%. Về thực hành phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của công nhân nhà máy xi măng Chínfon Hải Phòng là chưa đạt yêu cầu. Số người thực hiện đi lấy cao răng định kỳ là 20,77%. Số người sử dụng chỉ tơ nha khoa chỉ chiếm tỷ lệ 3,33%. Tuy nhiên số người thực hành đánh răng 2 lần trở lên trong ngày có tỷ lệ khá hơn (74,87%). Kết quả cho thấy cần thiết phải có kế hoạch điều trị, phòng bệnh, giáo dục vệ sinh răng miệng và kiểm soát mảng bám.

**Từ khóa:** sâu răng, viêm quanh răng.

## SUMMARY

**Objectives:** the objective of this study was to define the rate of decay and periodontis of workers at Haiphong Chinfon cement factory. It describes some knowledge and behaviors about that diseases of investigated workers and refers the need of prevention and treatment.

**Methods:** A cross sectional descriptive study.

**Result and discussion:** oral diseases was 63.08% (men: 38.97%, women: 24.11%). SMT index: 3.29. Gingivitis: 59.74%. Periodontis: 22.05%. The workers whom age are more than 45 make up the rate highest: 40.59%.

About the knowledge of oral diseases prevention: 82.31% think to brush 3 teeth fields; 74.62% think that teeth brushing help oral disease prevention and 50.25% think that teeth brushing after dinner is the most important.

The practice of oral diseases prevention of workers at Haiphong Chinfon cement factory don't meet requirements. 20.77% have tartar remover periodically. 3.33% use floss. The person who brush teeth more than 2 times a day make up better (74.87%).

**Conclusion:** It is necessary to have treatment plan, oral diseases prevention, oral health education and plaque control.

**Keywords:** decay, periodontis

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh sâu răng và bệnh viêm quanh răng là 2 bệnh phổ biến thuộc chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt.

Trên thế giới, các khảo sát đều cho thấy: Bệnh sâu răng và bệnh viêm quanh răng là hai bệnh phổ biến nhưng tỷ lệ mắc còn phụ thuộc vào điều kiện thực tế ở mỗi địa phương.

ở Việt Nam theo kết quả điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc năm 2002 cho thấy tỷ lệ người mắc sâu răng rất cao, chiếm 75,2% ở lứa tuổi từ 18 -34 tuổi và tăng lên 89,7% ở lứa tuổi từ 45 trở lên. Tỷ lệ người có bệnh quanh răng chiếm 96,7%.

Tại Nhà máy xi măng ChínFon công nhân làm việc trong một môi trường công nghiệp, làm theo ca kíp nên có thể ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh răng miệng. Vì vậy đề tài "Nghiên cứu tỷ lệ bệnh sâu răng, viêm quanh răng và một số kiến thức, hành vi về phòng bệnh của công nhân Nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng - 2010" nhằm 2 mục tiêu:

1. Xác định tỷ lệ bệnh sâu răng, bệnh viêm quanh răng của công nhân Nhà máy xi măng Chínfon Hải Phòng.

2. Mô tả một số kiến thức, hành vi về phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của số công nhân được nghiên cứu.

## ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Đối tượng:** Công nhân Nhà máy xi măng Chínfon Hải Phòng.

**Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.

**Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p \cdot q}{d^2}$$

Từ công thức trên cỡ mẫu cho nghiên cứu này được tính là 383, làm tròn thành 390.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**1 Thực trạng bệnh SR và VQR của các đối tượng nghiên cứu:**

### 1.1. Tình trạng sâu răng:

**Bảng 1. Tỷ lệ sâu răng theo giới tính:**

Sâu răng	Mắc		Không mắc		Tổng	
	Tần số	(%)	Tần số	(%)	N	(%)
Nam	152	38,97	71	18,20	223	57,18
Nữ	94	24,11	73	18,72	167	42,82
Cộng	246	63,08	144	36,92	390	100
p	< 0,05					

**Bảng 2. Tỷ lệ sâu răng theo nhóm tuổi:**

Sâu răng	Mắc		Không mắc		Tổng	
	Tần số	(%)	Tần số	(%)	N	(%)
18 - 34 tuổi	71	18,21	54	13,85	125	32,05
35 - 44 tuổi	98	25,13	66	16,92	164	42,05
$\geq 45$ tuổi	77	19,74	24	6,15	101	25,9
Cộng	246	63,08	144	36,92	390	100

Bảng 3. Chỉ số SMT theo nhóm tuổi:

Nhóm tuổi	Số răng Bị SMT	Tổng số Được khám	Chỉ số SMT
18 – 34 tuổi	248	125	1,98
35 – 44 tuổi	353	164	2,15
≥ 45 tuổi	681	101	6,74
Cộng	1282	390	3,29

**1.2. Tình trạng nha chu viêm:**

Bảng 4. Thực trạng viêm lợi theo giới:

Viêm lợi	Mắc		Không mắc		Cộng	
	Tần số	(%)	Tần số	(%)	n	(%)
Nam	136	34,87	87	22,31	223	57,18
Nữ	97	24,87	70	17,95	167	42,82
Cộng	233	59,74	157	40,26	390	100
P						

Bảng 5. Thực trạng viêm lợi theo nhóm tuổi:

Viêm lợi	Mắc		Không mắc		Cộng	
	Tần số	(%)	Tần số	(%)	N	(%)
18 – 34 tuổi	66	16,92	59	15,13	125	32,05
35 – 44 tuổi	92	23,59	72	18,46	164	42,05
≥ 45 tuổi	75	19,23	26	6,67	101	25,90
Cộng	233	59,74	157	40,26	390	100

Bảng 6. Tình trạng VQR theo giới tính:

Viêm quanh răng	Mắc		Không mắc		Cộng	
	Tần số	(%)	Tần số	(%)	N	(%)
Nam	51	13,08	172	44,10	223	57,18
Nữ	35	8,97	132	33,85	167	42,82
Cộng	86	22,05	304	77,95	390	100
p	>0,05					

Bảng 7. Tình trạng VQR theo nhóm tuổi:

VQR	Mắc		Không mắc		Cộng	
	Tần số	(%)	Tần số	(%)	N	(%)
18 – 34 tuổi	17	4,36	108	27,69	125	32,05
35 – 44 tuổi	28	7,18	136	34,87	164	42,05
≥ 45 tuổi	41	10,51	60	15,39	101	25,90
Cộng	86	22,05	304	77,95	390	100

**2. Kiến thức, thực hành phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của số công nhân được nghiên cứu.**

**2.1. Kiến thức về lợi ích của việc chải (đánh) răng:**

Bảng 8. Kiến thức về lợi ích của việc chải (đánh) răng:

Phòng bệnh răng miệng		Sạch răng		Trắng răng		Tổng	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
291	74,62	42	10,77	57	14,61	390	100

**2.2. Kiến thức nhận biết về lần chải (đánh) răng quan trọng nhất:**

Bảng 9. Kiến thức nhận biết về lần chải (đánh) răng quan trọng nhất:

Sau khi ăn sáng		Sau khi ăn trưa		Sau khi ăn tối		Tổng	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
148	37,95	46	11,80	196	50,25	390	100

**2.3. Kiến thức hiểu biết số mặt răng cần chải sạch:**

Bảng 10. Kiến thức hiểu biết số mặt răng cần chải sạch:

Một mặt		Hai mặt		Ba mặt		Tổng	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
56	14,36	13	3,33	321	82,31	390	100

**2.4. Thói quen đánh răng hàng ngày:**

Bảng 11. Thói quen đánh răng hàng ngày:

Số lần đánh răng	Tần số	(%)
1 lần	98	25,13
2 lần	197	50,51
3 lần	89	22,82
≥ 4 lần	6	1,54
Cộng	390	100

**2.5. Tình hình sử dụng chỉ nha khoa:**

Bảng 12. Thực hành sử dụng chỉ nha khoa:

Sử dụng chỉ nha khoa	Tần số	(%)
Có sử dụng	13	3,33
Không sử dụng	377	96,67
Cộng	390	100

**2.6. Việc lấy cao răng định kỳ:**

Bảng 13. Tình hình lấy cao răng:

Chỉ số	Có lấy cao răng định kỳ		Không lấy	Cộng
	≥ 6 tháng	> 6 tháng		
n	7	74	309	390
(%)	1,79	18,98	79,23	100

**BÀN LUẬN**

**1. Thực trạng bệnh SR và VQR của các đối tượng nghiên cứu.**

\* Tình hình sâu răng ở nhóm tuổi 35 – 44 tuổi chiếm tỷ lệ cao (25,13%)

So sánh với điều tra SK răng miệng toàn quốc 2001 thì ở nhóm tuổi này có tỷ lệ sâu răng thấp hơn (15,44%)

Chỉ số SMT chung của các đối tượng: 3,29

Nhìn chung chỉ số SMT có chiều hướng gia tăng theo tuổi điều này cũng rất phù hợp bởi vì theo thời gian thì tổng số răng sâu + mất + hàn/không bị sâu tái phát thường thì tăng lên theo tuổi tác.

\* Thực trạng viêm lợi theo giới:

Tỷ lệ mắc viêm lợi của các đối tượng được NC: 59,74%, Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm được nghiên cứu.

\* Tình trạng VQR theo giới tính:

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm được nghiên cứu.

\* Tình trạng VQR theo nhóm tuổi:

Nhìn chung tỷ lệ VQR có xu hướng tăng dần theo tuổi, ở nhóm thấp nhất 18 – 34 tuổi chỉ chiếm tỷ lệ: 4,36% và ở nhóm cao nhất trên 45 tuổi chiếm: 10,51%. Nếu so với kết quả của cuộc tổng điều tra răng miệng toàn quốc năm 2001 thì tỷ lệ này thấp hơn.

**2. Kiến thức, thực hành phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của số công nhân được nghiên cứu.**

Kiến thức về lợi ích của việc chải răng: 74,62% số người cho rằng việc chải (đánh) răng với mục đích cao nhất là phòng bệnh răng miệng chứ không chỉ

đơn thuần làm sạch răng hoặc làm trắng răng. Kiến thức này thường xuyên được tuyên truyền trên thông tin đại chúng và trong các buổi nói chuyện về sức khỏe răng miệng. Muốn phòng được bệnh, trước hết phải có kiến thức tiếp đó là thực hành để có kết quả tốt. Kết quả của nghiên cứu này về lợi ích của việc chải (đánh) răng khá cao (74,62%), chứng tỏ đây là đơn vị đã có sự quản lý và tuyên truyền phòng bệnh bảo vệ sức khỏe. Chỉ có 10,77% cho rằng việc chải răng chỉ để làm sạch răng và 14,61% cho rằng việc chải răng chỉ để làm trắng răng mà thôi.

## **KẾT LUẬN**

### **1. Xác định tỷ lệ bệnh sâu răng, bệnh viêm quanh răng của công nhân Nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng.**

Bệnh sâu răng của công nhân Nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng chiếm tỷ lệ cao. Cụ thể sâu răng chiếm 63,08%, trong đó Nam bị mắc cao hơn (38,97%), nhóm Nữ (24,11%). Tỷ lệ sâu răng tăng dần theo tuổi, thấp nhất là nhóm 18 – 34 tuổi (56,8%) và cao nhất là nhóm trên 45 tuổi (76,24%). Chỉ số SMT răng là 3,29.

Bệnh viêm lợi chiếm tỷ lệ cao hơn bệnh viêm quanh răng. Bệnh viêm lợi chiếm tỷ lệ 59,74%, Tỷ lệ bị viêm lợi tăng dần theo độ tuổi thấp nhất nhóm 18 – 34 (52,80%) và cao nhất nhóm  $\geq 45$  tuổi 74,26%

Bệnh viêm quanh răng chiếm tỷ lệ 22,05%, trong đó có xu hướng tăng dần theo tuổi, ở nhóm 18 – 34 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất: 13,6% và ở nhóm  $\geq 45$  tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất: 40,59%.

### **2. Kiến thức, thực hành về phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của số công nhân nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng.**

Về kiến thức phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của công nhân nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng chỉ ở mức trung bình khá. Cụ thể Số người cho rằng cả 3 mặt răng cần được chải sạch chiếm tỷ lệ 82,31%. Số người có câu trả lời đúng cho rằng việc chải răng giúp phòng bệnh răng miệng chiếm tỷ lệ 74,62%. Còn số người cho rằng

lần chải răng quan trọng nhất trong ngày là sau khi ăn tối chỉ chiếm tỷ lệ 50,25%.

Về thực hành phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng của công nhân nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng là chưa đạt yêu cầu. Cụ thể Số người thực hiện đi lấy cao răng định kỳ là 20,77%. Số người sử dụng chỉ tơ nha khoa chỉ chiếm tỷ lệ 3,33%. Tuy nhiên số người thực hành đánh răng 2 lần trở lên trong ngày có tỷ lệ khá hơn (74,87%).

## **KIẾN NGHỊ**

Cần phải tuyên truyền phổ biến Kiến thức, thực hành trong phòng bệnh sâu răng và viêm quanh răng cho công nhân nhà máy xi măng ChínFon Hải Phòng, đặc biệt là kỹ năng thực hành còn chưa đạt yêu cầu trong khi về kiến thức phòng bệnh đã ở mức trung bình khá.

Cần phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ trong đó có khám và triển khai điều trị các bệnh về răng miệng cho công nhân tại phòng Y tế của nhà máy để phục vụ kịp thời cho công nhân phù hợp với điều kiện làm theo ca kíp của họ.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Cát (1977), *Tổ chức học vùng quanh răng*, Sách giáo khoa RHM, tập 1, Trường Đại học Y Hà Nội.

2. Nguyễn Quốc Dân, Trương Uyên Thái (1996), "Quan điểm sinh bệnh học và chẩn đoán viêm quanh răng hiện nay", *Tạp chí y học thực hành*

3. Vũ Thị Kiều Diễm, Vũ Hải Phong, Ngô Đồng Khanh và cộng sự (1993), "Kết quả điều tra tình trạng vệ sinh răng miệng ở miền Nam Việt Nam 1991", *Kỷ yếu công trình khoa học 1975- 1993*.

4. Tạp chí Y học Việt Nam (2000), *Điều tra sức khỏe Răng miệng toàn quốc*, Công trình hợp tác quốc tế Việt - Úc.

5. Trần Văn Trường, Lâm Ngọc ấn, Trịnh Đình Hải (2001), *Điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc*, Nhà xuất bản Y học.

6. Trường Đại học Y Hà Nội (2002), *Phương pháp nghiên cứu khoa học y học*.